

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
“V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán”

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt (“Công Ty”);
- Quyết định số 09B/2021/QĐ-HĐQT và số 09D/2021/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận có liên quan của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN VĂN ĐẠT



PHATDAT
CORPORATION
Real Estate Development

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.....	2
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ	2
Điều 3. Cơ cấu tổ chức Ủy ban Kiểm toán.....	2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.....	3
Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.....	4
Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Thành viên Ủy ban Kiểm toán	4
Điều 7. Ban Kiểm toán nội bộ.....	4
Điều 8. Quyền tiếp cận thông tin của Ủy ban Kiểm toán.....	4
CHƯƠNG III. CHẾ ĐỘ HỘI HỌP, BÁO CÁO, LƯU TRỮ TÀI LIỆU VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN	4
Điều 9. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.....	4
Điều 10. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	5
Điều 11. Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán	5
Điều 12. Lưu trữ báo cáo, tài liệu kiểm toán.....	6
Điều 13. Bảo mật và cung cấp thông tin	6
CHƯƠNG IV. CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	6
Điều 14. Cơ chế phối hợp của Hội đồng quản trị đối với bên liên quan.....	6
Điều 15. Cơ chế phối hợp của Ủy ban Kiểm toán đối với bên liên quan.....	7
Điều 16. Cơ chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc	7
Điều 17. Cơ chế phối hợp của các đơn vị/bộ phận được kiểm toán.....	8
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	8
Điều 18. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.....	8
Điều 19. Hiệu lực thi hành	8

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155 (“**Thông tư 116**”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt (“**Điều lệ**”);

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt (“**Công Ty**”) bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán quy định cơ cấu tổ chức, chức năng và nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ủy ban Kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công Ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ủy ban Kiểm toán, các thành viên Ủy ban Kiểm toán và các đối tượng có liên quan trong Công Ty

Điều 2. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

1. Tính độc lập:
 - a) Ủy ban Kiểm toán báo cáo trực tiếp bằng văn bản với Hội đồng quản trị và độc lập với các Ủy ban/Ban khác của Hội đồng quản trị;
 - b) Ủy ban Kiểm toán hoạt động độc lập với hoạt động điều hành, nghiệp vụ của Công Ty.
2. Tính khách quan: Ủy ban Kiểm toán và thành viên Ủy ban Kiểm toán phải bảo đảm tính khách quan, công bằng, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.
3. Tính trung thực: Thành viên Ủy ban Kiểm toán khi thực hiện thực hiện nhiệm vụ phải trung thực, cẩn trọng, chính xác, luôn tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ của Công Ty; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.
4. Bảo mật: Thành viên Ủy ban Kiểm toán không được tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định của Công Ty.

CHƯƠNG II CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức Ủy ban Kiểm toán

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán, là đơn vị chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ủy ban Kiểm toán có 03 (ba) thành viên do Hội đồng quản trị bổ nhiệm: Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và 02 (hai) thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
3. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công Ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
5. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
6. Thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán, thành viên Ủy ban Kiểm toán nằm trong hạn mức thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Công Ty.
7. Trong nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm toán, nếu có thành viên Ủy ban Kiểm toán từ chức, Hội đồng quản trị có thể cân nhắc và bổ nhiệm một người khác để thay thế. Thành viên thay thế phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán được quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công Ty. Nhiệm kỳ của thành viên thay thế sẽ bắt đầu từ ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và sẽ kết thúc đồng thời với nhiệm kỳ của các thành viên đương nhiệm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 36 Điều lệ Công Ty bao gồm nhưng không giới hạn thêm các trách nhiệm dưới đây:

1. Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa kỳ (hàng quý, 6 tháng, 9 tháng) và cả năm, bao gồm các công bố thông tin trong báo cáo thường niên trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét và thông qua.
2. Kiểm tra tính đầy đủ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công Ty.
3. Quản lý, điều hành và giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ của Công Ty.
4. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
5. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặt biệt trong trường hợp Công Ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
6. Giám sát nhằm đảm bảo Công Ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công Ty.
7. Thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị biết về những trường hợp không tuân thủ để Hội đồng quản trị có những biện pháp bảo vệ phù hợp.
8. Báo cáo với Hội đồng quản trị về các hoạt động, các vấn đề và các kiến nghị liên quan của Ủy ban Kiểm toán.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động định kỳ/đợt xuất của Ủy ban Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về kết quả kiểm toán do Ủy ban Kiểm toán thực hiện.
3. Tham dự các cuộc họp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán để xây dựng kế hoạch, triển khai, giám sát thực hiện và đánh giá kết quả công tác kiểm toán.
2. Tham dự các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các cuộc họp triển khai thực hiện nhiệm vụ để đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác kiểm toán được nêu trong cuộc họp.
3. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Ban Kiểm toán nội bộ

1. Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ủy ban Kiểm toán để tham mưu, hỗ trợ cho Ủy ban Kiểm toán trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm với Ủy ban Kiểm toán trong việc thực thi các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
2. Ban Kiểm toán nội bộ có tối thiểu 3 thành viên, cơ cấu như sau:
 - Trưởng ban/Phó ban là cá nhân độc lập, không kiêm nhiệm chức năng quản lý điều hành trong Công Ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, được xác định là người nội bộ Công ty, phải thực hiện thủ tục công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán và là người nội bộ Công ty
 - Thành viên: do Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán bổ nhiệm, không thực hiện thủ tục công bố thông tin.
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt chi trả phù hợp với tính chất công việc và chức năng nhiệm vụ của từng thành viên theo đúng quy định của luật và quy định nội bộ của Công Ty.

Điều 8. Quyền tiếp cận thông tin của Ủy ban Kiểm toán

1. Khi cần tiếp cận thông tin của Công Ty, Ủy ban Kiểm toán có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và phải bảo mật tuyệt đối các thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình giám sát các hoạt động của Công Ty. Việc tiết lộ các thông tin, tài liệu này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
2. Ủy ban Kiểm toán được quyền tiếp cận các tài liệu, nhận các báo cáo của Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Người điều hành doanh nghiệp khác liên quan đến các nội dung, kế hoạch kiểm toán đã được Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

CHƯƠNG III

CHẾ ĐỘ HỘI HỌP, BÁO CÁO, LƯU TRỮ TÀI LIỆU VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 9. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Thực hiện theo các quy định tại Điều 38 Điều lệ Công Ty.

2. Để có thể tiến hành cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán cần sự có mặt tối thiểu của 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ủy ban Kiểm toán, trong đó có Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán không thể dự họp, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải ủy quyền cho 01 (một) thành viên Ủy ban Kiểm toán để có thể tiến hành họp.
3. Thông báo họp của Ủy ban Kiểm toán phải được gửi cho các thành viên ít nhất 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của các thành viên Ủy ban Kiểm toán được đăng ký tại Công Ty.
4. Địa điểm họp: các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán sẽ được tiến hành tại địa chỉ trụ sở Công Ty hoặc địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán/thành viên Ủy ban Kiểm toán được ủy quyền.
5. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Ủy ban Kiểm toán khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Ủy ban Kiểm toán khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả phương thức này. Thành viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự cuộc họp này.

6. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán với các bên có liên quan về nội dung cần được kiểm toán:
 - Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán gửi thông báo mời họp đến các bên liên quan ít nhất 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp, nội dung cuộc họp có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác đến các bên liên quan;
 - Hình thức họp sẽ do Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán quyết định. Ủy ban Kiểm toán có quyền mời Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, Phòng/Ban chức năng được kiểm toán tham dự cuộc họp và báo cáo, giải trình những nội dung được kiểm toán do Ủy ban Kiểm toán yêu cầu tại cuộc họp.
7. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán phải được Thư ký ghi chép đầy đủ nội dung trong Biên bản họp. Thư ký cuộc họp sẽ do Thư ký Công ty phân công để hỗ trợ cho Ủy ban Kiểm toán.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Thực hiện theo các quy định tại Điều 39 Điều lệ Công Ty;
- Các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán quy định tại Điều 39 Điều lệ Công Ty phải được gửi cho Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải báo cáo cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. Ủy ban Kiểm toán phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc khi nhận thấy có nguy cơ rủi ro cao ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công Ty.
3. Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị. Nội dung các báo cáo phải đầy đủ, bảo đảm tính chính xác, phản ánh đúng thực tế và đáp ứng yêu cầu về cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Lưu trữ báo cáo, tài liệu kiểm toán

1. Hồ sơ, tài liệu trong mỗi cuộc kiểm toán phải được ghi chép thành văn bản (giấy/điện tử), lưu trữ theo trình tự nội dung công việc và thứ tự thời gian.
2. Các báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán phải được lưu trữ cẩn thận theo quy trình của Nhà nước và của Công Ty.

Điều 13. Bảo mật và cung cấp thông tin

1. Tất cả các thông tin/văn bản/tài liệu/báo cáo kiểm toán phải được bảo mật, khi cung cấp cho các tổ chức/cá nhân không liên quan đến công tác kiểm toán phải được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Các trường hợp cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của Công Ty.

CHƯƠNG IV

CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 14. Cơ chế phối hợp của Hội đồng quản trị đối với bên liên quan

- Phê duyệt và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công Ty theo đề nghị của Ủy ban Kiểm toán;
- Phê duyệt kế hoạch kiểm toán, kiểm toán nội bộ hàng năm, phê duyệt báo cáo kiểm toán hàng năm;
- Phê duyệt ngân sách kiểm toán và kế hoạch nguồn lực;
- Nhận thông tin báo cáo từ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán về kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán liên quan đến kế hoạch của Ủy ban kiểm toán và các vấn đề khác;
- Tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo Ủy ban Kiểm toán thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định;
- Quyết định, phê duyệt việc thực hiện các kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
- Thông báo mời họp của Ủy ban Kiểm toán và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị liên quan và các thành viên Ủy ban Kiểm toán một cách đồng thời;
- Khi Ủy ban Kiểm toán đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo thời gian mà Ủy ban Kiểm toán đề xuất;
- Các nội dung mà Hội đồng quản trị cần lấy ý kiến của Ủy ban Kiểm toán phải được gửi trong thời hạn quy định và Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm phản hồi theo thời hạn quy định;
- Đảm bảo phối hợp có hiệu quả công việc kiểm toán giữa Ủy ban Kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập.

Điều 15. Cơ chế phối hợp của Ủy ban Kiểm toán đối với bên liên quan

- Thay mặt Hội đồng quản trị ban hành, thay đổi, điều chỉnh Quy trình kiểm toán nội bộ và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm;
- Thay mặt Hội đồng quản trị quyết định tiêu chuẩn, số lượng nhân sự và bổ nhiệm, bãi nhiệm các nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ (trừ Trưởng ban và Phó Ban);
- Thay mặt Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ;
- Xem xét, đánh giá các báo cáo/kết quả kiểm toán nội bộ của Ban Kiểm toán nội bộ trước khi trình Hội đồng quản trị;
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm toán; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán;
- Đảm bảo công tác kiểm toán có vị trí thích hợp và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động kiểm toán;
- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện phương pháp, chính sách kiểm toán trình Hội đồng quản trị quyết định;
- Đảm bảo phối hợp có hiệu quả giữa Ban Kiểm toán nội bộ và công ty kiểm toán độc lập;
- Thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Trong các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Kiểm toán có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập, khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà thành viên Ủy ban Kiểm toán quan tâm;
- Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Ban Kiểm toán nội bộ và Tổng Giám đốc/Người điều hành doanh nghiệp, Phòng/Ban chức năng được kiểm toán thì Ủy ban Kiểm toán được quyền tham mưu, đề xuất các giải pháp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và quyết định;
- Khi phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công Ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả; đồng thời Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các quyết định khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị điều hành Công ty.

Điều 16. Cơ chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban Kiểm toán thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc/Phụ trách các đơn vị/bộ phận thực hiện phối hợp công tác với Ủy Ban Kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt để giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động nhằm đạt các mục tiêu và nhiệm vụ được giao;
- Tổng Giám đốc có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị/bộ phận trực thuộc thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ủy ban Kiểm toán hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị; thông báo cho Ủy ban Kiểm toán tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ủy ban Kiểm toán;
- Tổng Giám đốc phải đảm bảo Ủy ban Kiểm toán được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của Công Ty nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan;

- Trong các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Kiểm toán có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự họp để trả lời các vấn đề mà thành viên Ủy ban kiểm toán quan tâm;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu tại trụ sở chính của Công Ty hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- Các nội dung khác mà Ủy ban Kiểm toán cần lấy ý kiến của Tổng Giám đốc: phải được gửi trước ít nhất 03 (ba) ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 03 (ba) ngày làm việc.

Điều 17. Cơ chế phối hợp của các đơn vị/bộ phận được kiểm toán

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán một cách trung thực, chính xác, không được che giấu thông tin;
- Thông báo ngay cho Ủy ban Kiểm toán khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc nguy cơ thất thoát tài sản;
- Thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ủy ban Kiểm toán hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Ủy ban Kiểm toán làm việc đạt hiệu quả cao nhất.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

- Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm rà soát định kỳ Quy chế này và đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế cần thiết;
- Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;
- Trong trường hợp những Quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ủy ban Kiểm toán chưa được đề cập trong Quy chế này thì những Quy định này đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán Công Ty gồm có 05 (năm) Chương, 19 (mười chín) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 06 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN ĐẠT